

khoa học kỹ thuật vào sản xuất, góp phần nâng cao an toàn, chất lượng và hiệu quả.

8. Tổ chức dự bị động viên.

Điều 3. — Tổ chức bộ máy của Tổng cục Hàng không dân dụng bao gồm:

1. Cơ quan Tổng cục gồm một số bộ phận và chuyên viên, biên chế gọn nhẹ, giúp Tổng cục trưởng làm nhiệm vụ quản lý Nhà nước và theo dõi sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực quy hoạch, kế hoạch và đầu tư — pháp chế — quản lý bay và an toàn bay — hợp tác quốc tế — thanh tra kiểm tra và Văn phòng Tổng cục.

2. Các đơn vị sự nghiệp gồm Viện Khoa học kỹ thuật hàng không và Trường hàng không Việt Nam.

3. Các đơn vị sản xuất kinh doanh trực thuộc.

Điều 4. — Tổng cục Hàng không dân dụng Việt Nam có Tổng cục trưởng và các Phó Tổng cục trưởng giúp việc.

Tổng cục trưởng Tổng cục Hàng không dân dụng Việt Nam có trách nhiệm xây dựng điều lệ hoạt động của Tổng cục trình Hội đồng Bộ trưởng phê chuẩn.

Điều 5. — Nghị định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành. Các văn bản trước đây trái với Nghị định này đều bị bãi bỏ.

Điều 6. — Tổng thư ký Hội đồng Bộ trưởng, Tổng cục trưởng Tổng cục Hàng không dân dụng Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng
K.T. Chủ tịch
Phó Chủ tịch
VÕ VĂN KIẾT

THÔNG TƯ của Hội đồng Bộ trưởng số 113 - HĐBT ngày 5-9-1989 quy định chi tiết và hướng dẫn việc thi hành Luật bầu cử đại biểu Hội đồng Nhân dân⁽¹⁾.

Ngày 30 tháng 6 năm 1989 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, khóa VIII, kỳ họp thứ V đã thông qua Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân. Hội đồng Nhà nước đã quyết định ngày 19 tháng 11 năm 1989 tiến hành trong cả nước cuộc bầu cử Hội đồng Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương, các quận, huyện, thị xã và cơ sở.

Để tiến hành các cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng Nhân dân sắp tới bảo đảm dân chủ, đúng luật và đạt kết quả, Hội đồng Bộ trưởng quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật như sau:

1. Về quyền bầu cử và ứng cử.

Thực hiện theo điều 2 và điều 26 của Luật. Nói rõ thêm một số điểm sau:

a) Việc tính tuổi bầu cử và ứng cử, tính từ ngày bầu cử (19-11-1989) trở về trước, công dân nào đủ 18 tuổi thì có quyền bầu cử và đủ 21 tuổi thì có quyền ứng cử. Mỗi tuổi là 12 tháng.

b) Việc xác định những người bị tước quyền bầu cử và không được sử dụng quyền bầu cử thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 498-NQ/HĐNN 7 ngày 29-2-1984 của Hội đồng Nhà nước.

c) Chậm nhất là 30 ngày, trước ngày bầu cử, cơ quan có trách nhiệm lập danh sách cử tri nói ở điều 22 của Luật phải niêm yết danh sách cử tri tại khu vực bỏ phiếu; phải sử dụng các hình thức

(1) Thông tư này thay thế Thông tư số 103-HĐBT ngày 12-8-1989.

thông tin thích hợp ở địa phương để thông báo cho mọi cử tri biết rõ những người có quyền bầu cử và những người không có quyền bầu cử trong kỳ bầu cử này.

Việc giải quyết những khiếu nại về quyền bầu cử thực hiện theo điều 24 của Luật.

2. Về tiêu chuẩn đại biểu Hội đồng Nhân dân. Luật bầu cử đã ghi rõ những điểm chung. Cần tuyên truyền giải thích để mỗi người dân hiểu rõ, hiểu đúng những tiêu chuẩn ấy sát đúng với địa phương. Điều then chốt là phải lựa chọn để bầu được những đại biểu là người có trình độ, có năng lực làm việc và làm việc tốt, thực sự hành động vì lợi ích của nhân dân, của đất nước, có đạo đức tư cách tốt; không vì yêu cầu cơ cấu mà hạ thấp yêu cầu về năng lực, trình độ.

Cần phải hướng dẫn để mọi người thấy rõ sự cần thiết phải lựa chọn người đủ tiêu chuẩn, đồng thời chú trọng đến cơ cấu thành phần đại biểu trong Hội đồng Nhân dân, để Hội đồng phản ánh được ý chí, nguyện vọng và khả năng các tầng lớp nhân dân ở từng địa phương.

3. Các tổ chức phụ trách bầu cử.

Điều 16 đã quy định Hội đồng bầu cử được thành lập ở tỉnh, huyện, xã và tương đương.

Mỗi đơn vị bầu cử thành lập một Ban bầu cử.

Mỗi khu vực bỏ phiếu thành lập Tổ bầu cử. Ở những đơn vị bầu cử đồng thời là khu vực bỏ phiếu thì Ban bầu cử ở đó kiêm luôn nhiệm vụ của Tổ bầu cử.

Ở những nơi bầu cử Hội đồng Nhân dân hai cấp trở lên cùng một ngày, nếu đơn vị bầu cử Hội đồng Nhân dân tỉnh là huyện thì Hội đồng bầu cử Hội đồng Nhân dân huyện kiêm cả nhiệm vụ của Ban bầu cử Hội đồng Nhân dân tỉnh,

nếu đơn vị bầu cử Hội đồng Nhân dân huyện là xã thì Hội đồng bầu cử xã làm luôn nhiệm vụ của Ban bầu cử Hội đồng Nhân dân huyện.

Ủy ban Nhân dân có trách nhiệm chủ động trao đổi với Ủy ban Mặt trận tổ quốc cùng cấp và các tổ chức thành viên của Mặt trận về việc thành lập Hội đồng bầu cử, Ban bầu cử, Tổ bầu cử để lựa chọn các đại biểu đủ năng lực và trình độ đại diện cho các tổ chức đó tham gia. Ủy ban Nhân dân là người trực tiếp chịu trách nhiệm trước Hội đồng Nhân dân về chỉ đạo cuộc bầu cử, có trách nhiệm xem xét kỹ về thành phần và nhân sự của các Hội đồng bầu cử và Ban bầu cử.

Hội đồng bầu cử bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thư ký; Ban bầu cử bầu Trưởng ban, Phó trưởng ban và thư ký; Tổ bầu cử bầu Tổ trưởng, Tổ phó và thư ký, theo phương pháp bàn bạc nhất trí. Nếu không nhất trí thì biểu quyết hoặc bỏ phiếu bầu.

Về số lượng thành viên Hội đồng bầu cử, Ban bầu cử, Ủy ban Nhân dân bàn với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp để quyết định cụ thể, căn cứ vào số đơn vị bầu cử ở mỗi cấp và số lượng khu vực bỏ phiếu.

— Nếu có 8 đơn vị bầu cử thì cử 11 người, có từ 9 đến 12 đơn vị bầu cử thì cử 15 người; có từ 13 đơn vị trở lên thì cử từ 17 đến 21 người vào Hội đồng bầu cử.

— Nếu đơn vị bầu cử có hai khu vực bỏ phiếu thì cử 5 người, có từ 3 đến 4 khu vực bỏ phiếu thì cử 7 đến 9 người, từ 6 đến 10 khu vực bỏ phiếu thì cử từ 11 đến 13 người, từ 11 khu vực bỏ phiếu trở lên thì cử 15 người vào Ban bầu cử.

Thời hạn thành lập các tổ chức phụ trách bầu cử thực hiện theo các điều 17, 18, 19 của Luật. Sau đó, phải tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho các cán bộ làm công tác bầu cử về Luật bầu cử và kinh nghiệm các cuộc bầu cử trước, làm cho

mỗi người nắm vững nhiệm vụ quyền hạn theo Luật định, kế hoạch tổ chức bầu cử và từng khâu, từng việc cụ thể trong cuộc bầu cử lần này.

4. Số lượng đại biểu Hội đồng Nhân dân, đơn vị bầu cử và khu vực bỏ phiếu.

a) Số lượng đại biểu Hội đồng Nhân dân ở mỗi cấp đã được quy định trong điều 9 của Luật, các cấp cần phải chấp hành đúng.

Căn cứ vào số dân mới được xác định qua điều tra dân số năm 1989 để tính số đại biểu được bầu cho mỗi cấp.

b) Theo quy định ở điều 10 của Luật bầu cử thì mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng Nhân dân được bầu không quá 3 đại biểu dựa vào cấu tạo dân cư ở địa phương theo thôn, xóm, bản, ấp nếu là bầu cử Hội đồng Nhân dân xã và tương đương; theo xã hoặc liên xã nếu là bầu cử Hội đồng Nhân dân huyện và tương đương; theo huyện hoặc liên huyện nếu là bầu cử Hội đồng Nhân dân tỉnh và tương đương để định đơn vị bầu cử cho mỗi cấp.

Cần dựa vào cấu tạo dân cư và địa hình ở từng đơn vị bầu cử mà ấn định khu vực bỏ phiếu nhằm bảo đảm thuận tiện cho cử tri đi bầu. Khi chia đơn vị bầu cử, không được xé lẻ sự cấu thành dân cư tự nhiên ở địa phương.

Số đơn vị bầu cử, danh sách các đơn vị và số đại biểu của mỗi đơn vị thực hiện theo điều 11 của Luật.

Sau khi chia xong đơn vị bầu cử và ấn định số đại biểu được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử, Ủy ban Nhân dân phải báo cáo danh sách các đơn vị bầu cử lên Ủy ban Nhân dân cấp trên trực tiếp phê chuẩn, danh sách các đơn vị bầu cử Hội đồng Nhân dân tỉnh và cấp tương đương do Hội đồng Bộ trưởng phê chuẩn.

5. Việc lập danh sách người ra ứng cử.

Theo quy định ở chương V của Luật, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp có trách nhiệm tổ chức các hội nghị hiệp thương để giới thiệu người ứng cử và đề thỏa thuận về danh sách những người ứng cử. Nội dung các hội nghị hiệp thương, thành phần tham dự hội nghị, cách thức tiến hành các hội nghị và việc tổ chức đề những người ứng cử tiếp xúc với cử tri do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn cụ thể.

Ủy ban Nhân dân có trách nhiệm bàn bạc với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc ở địa phương về thành phần, nội dung, cách thức tiến hành các hội nghị hiệp thương bảo đảm thật sự dân chủ, tránh áp đặt.

6. Về trình tự bầu cử và kết quả bầu cử.

Thực hiện đúng quy định ở chương VI, chương VII của Luật, cần lưu ý một số điểm:

a) Giải thích đề cử tri hiểu rõ bầu cử là quyền lợi chính trị cơ bản của mỗi công dân. Mỗi người cần đề cao ý thức trách nhiệm, trực tiếp cầm lá phiếu bầu người thay mặt cho mình tham gia Hội đồng Nhân dân không nhờ người bầu hộ và cũng không nhận bầu thay cho người khác. Mỗi công dân cần tìm hiểu kỹ từng ứng cử viên, nhất là về năng lực, trình độ nắm các vấn đề kinh tế - xã hội của địa phương; phải cân nhắc kỹ để lựa chọn bầu những người xứng đáng nhất, và phải thận trọng khi bầu cử, không để lá phiếu của mình trở thành phiếu không hợp lệ.

b) Tổ chức các phòng kín ở khu vực bỏ phiếu để cử tri viết phiếu; các cử tri khác và các nhân viên của Tổ bầu cử không được vào phòng viết phiếu ảnh hưởng đến việc viết phiếu của cử tri.

Theo quy định của Luật, khi đã hết giờ bầu cử, Tổ bầu cử mời 2 cử tri không phải là người ứng cử có mặt tại đó chứng kiến việc mở hòm phiếu và tiến hành ngay việc kiểm phiếu, không được để lại ngày hôm sau.

c) Theo quy định của Luật bầu cử lần này, khi công bố kết quả bầu cử phải công bố đầy đủ số người trúng cử và số phiếu bầu cho từng ứng cử viên.

Tỷ lệ phiếu bầu cho từng ứng cử viên để tính kết quả có trúng cử hay không là số phiếu hợp lệ đã bầu cho ứng cử viên so với tổng số phiếu hợp lệ ở đơn vị bầu cử đó.

Sau khi kiểm phiếu, ở những đơn vị bầu cử không được quá nửa số cử tri ghi trong danh sách đi bầu và những đơn vị vi phạm nghiêm trọng Luật bầu cử mà Hội đồng Nhà nước đã có quyết định hủy kết quả cuộc bầu cử, thì phải tổ chức bầu lại.

Ở những đơn vị bầu cử nếu số người trúng cử chưa đủ 2/3 số đại biểu đã quy định, thì phải tổ chức bầu thêm số đại biểu còn thiếu.

7. Về tổ chức chỉ đạo cuộc bầu cử ngày 19 tháng 11 năm 1989.

Hội đồng Nhà nước đã quyết định bầu cử Hội đồng Nhân dân ba cấp vào ngày 19 tháng 11 năm 1989.

Ủy ban Nhân dân là cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức chỉ đạo công tác bầu cử ở các cấp cần phải:

a) Nhằm vững yêu cầu và những điểm đổi mới trong cuộc bầu cử lần này là phát huy thật sự quyền làm chủ của nhân dân, lựa chọn những người xứng đáng làm đại biểu Hội đồng Nhân dân, thực sự là những người có năng lực hoàn

thành nhiệm vụ đại biểu, đồng thời tiêu biểu cho các tầng lớp nhân dân địa phương.

b) Tôn trọng quyền dân chủ của nhân dân trong bầu cử, ứng cử, làm tốt việc tuyên truyền, giải thích để mỗi công dân nắm vững các quy định của Luật và các văn bản hướng dẫn bầu cử, có ý thức tự giác và có hiểu biết đầy đủ để thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của công dân trong cuộc bầu cử.

c) Đề cao phát huy vai trò và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, các tập thể cử tri trong việc thực hiện và giám sát công tác bầu cử, bảo đảm cho ngày bầu cử được an toàn về mọi mặt, tạo không khí phấn khởi của quần chúng trong ngày bầu cử, đồng thời Ủy ban Nhân dân và các cơ quan Nhà nước có nhiệm vụ tổ chức chỉ đạo cuộc bầu cử phải làm hết trách nhiệm của mình, chỉ đạo chặt chẽ từng khâu cụ thể trong cuộc bầu cử, không để xảy ra những sai sót.

d) Bảo đảm các yêu cầu cần thiết phục vụ cho cuộc bầu cử, nhưng phải hết sức tiết kiệm, tránh những việc làm gây lãng phí.

Hội đồng Bộ trưởng yêu cầu Ủy ban Nhân dân các cấp tập trung chỉ đạo, chấp hành đúng Luật bầu cử và những quy định trong Thông tư này.

Ban Tổ chức của Chính phủ có trách nhiệm giúp Hội đồng Bộ trưởng hướng dẫn về nghiệp vụ công tác bầu cử, theo dõi tổng hợp tình hình và kết quả bầu cử báo cáo với Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.

T. M. Hội đồng Bộ trưởng
K. T. Chủ tịch
Phó Chủ tịch
NGUYỄN KHÁNH